PHẦN THỨ TÁM: 7 PHÁP DIỆT TRÁNH

Cũng chia làm ba:

1-Nương theo lời dạy mà diệt sự tranh cãi (y giáo diệt tránh).

2- Nêu tên tướng tội.

3- Kết xong xem xét.

Phần một lại chia làm hai:

1- Từ đầu đến ... trong giới kinh, là nói về giáo y cứ. Văn nói bảy pháp diệt tránh, âm Phạm gọi là 7 pháp Tỳ-ni.

2- Từ "Nếu có rồi"... trở xuống là nói công dụng diệt tránh. Tranh hoặc đã khởi lên, nên nói "nếu có rồi". Khởi thì phải diệt nên nói trừ. Thể của tránh vốn khác nhau, nên nói có bốn loại:

- Một là ngôn tránh (tranh luận).
- Hai là mích tránh (tìm lỗi để dứt tránh).
- Ba là phạm tránh.
- Bốn là sự tránh.

Tuần tự đối ba môn mà phân biệt

1) Giải thích tên gọi.

2) Thể, trị.

3) Kết tội.

* Giải thích tên gọi: Vì lý lẽ sinh ra tranh cãi, gọi là ngôn tránh.

Tìm lỗi sinh ra tranh chấp gọi là mích tránh. Phê bình sinh ra tranh chấp gọi là phạm tránh. Yết-ma sinh ra tranh chấp gọi là sự tránh.

* Thể, trị, nói chung về thể. Chúng tăng, chúng ni các nơi khởi lên tranh chấp khiến cho bạn bè trái quấy sinh lỗi. Đó là thuộc về bốn tránh. Nếu tranh luận với năm chúng khác không trái phá thì chẳng thuộc về bốn tránh.

Nói riêng về thể:

Một là ngôn tránh. Lý sự của ba tạng vốn vậy, mà đối lập làm cho rối tung gọi đó là ngôn tránh, như Thanh Luận sư xuất gia làm tăng, vẫn chấp theo cũ, lập âm thanh là thường, là không chất ngại, dụ như hư không. Phật pháp phá rằng: Âm thanh là vô thường, vì là cái làm ra, cũng như cái bình... Nhưng âm thanh về sự thường hay vô thường, lý đối lập cùng tranh luận, đó là thể của ngôn tránh. Tránh này gồm có thượng phẩm và hạ phẩm.

Nếu nói về trị thì nói chung là dùng hai loại thuốc trong 7 loại thuốc mà trị. Nói 7 loại thuốc, theo trong văn giới nêu ra thứ lớp như sau:

I. Tỳ-ni hiện tiền, có hai nghĩa:

1/ Biệt dụng hiện tiền: Đối diện phán xử việc ngôn tránh gọi là Hiện tiền.

2/ Thông dụng hiện tiền: Phán chung các cuộc tranh luận đều phải đối diện gọi là Hiện tiền.

II. Tỳ-ni ức niệm.

III. Tỳ-ni bất si.

IV. Tỳ-ni tự ngôn trị.

V. Tỳ-ni tội xứ sở.

Nghĩa là như có người bị người khác nêu tội, đầu tiên dẫn ra, sau đó chống trái. Tăng tác bạch bốn lần trị phạt, dẫn ra các chứng cứ tội có phạm tội. Do đây mà diệt tránh nên gọi là Tỳ-ni. Văn giới gọi là mích tội tướng. Ý nghĩa giống như vặn hỏi tìm ra, dẫn các chứng cớ về tội.

VI. Tỳ-ni đa nhân ngữ.

Văn gọi là "Đa nhân mích tội". Tội là lỗi của việc tranh cãi, chẳng phải là tội trong năm thiên phạm tội. Ý ở đây nói: Dùng lời nói của nhiều người tìm lỗi chấp thường của Thanh luận mà phán đoán là phi lý.

VII. Tỳ-ni thảo bố địa.

Trong bảy Tỳ ni ở trên, nếu trị loại ngôn tránh hạ phẩm, thì chỉ dùng hiện tiền một lần diệt là hết, tức là trên nói Biệt dụng hiện tiền.

Ở trong đó tùy theo tám chỗmà phán diệt. Nghĩa là hoặc ngay giới của mình cầu một vị có thắng đức, hoặc hai hoặc ba, hoặc đủ tăng vị. Hoặc trong giới của người khác, tăng hoặc ba, hoặc hai, hoặc một. Dần dần lưu chuyển tùy ứng với tám chỗ tranh cãi, nghĩa là tâm phục gọi là Tỳ-ni hiện tiền một lần diệt hết. Nhưng trong tám chỗ diệt nếu có dưới ba vị thắng đức thì phải đầy đủ ba hiện tiền.1- Pháp hiện tiền, như phán quyết âm thanh là thường, đó là phi lý. 2- Tỳ-ni hiện tiền: Khuyên nhận lấy phán quyết này. 3- Nhân hiện tiền: Phán xử người tranh cãi và người khởi tranh cãi. Nếu trên bốn người phải đầy đủ năm hiện tiền nghĩa là thêm kết giới, thành tựu và năng diệt tăng. Ba, năm thứ hiện tiền này đều là nghĩa đối diện phán định, đều gọi là hiện tiền.

Nhưng ở trong số tăng vị, sợ có người xấu giả kết bạn bè tranh luận, nên đơn bạch sai đủ 10 vị đại đức họp riệng ở một chỗ để cùng nhau phân xử. Khi chính thức phân xử cũng phải giải quyết các mong muốn của bọn người xấu. Lại ở trong tòa đuổi ra ngoài ba hạng người:

1) Nếu có Tỳ-kheo không tụng giới, không học luật tạng, nói lời phi pháp, thì nên làm đơn bạch đuổi người nầy ra.

2) Người tụng giới mà không học Đại tạng, chấp một ít văn thì cũng đuổi ra.

3) Tỳ-kheo Pháp sư dùng ngôn từ gượng ép mà nói đạo lý, cũng bạch đuổi ra. Sau khi đuổi ra rồi thì đúng như pháp phán định. Tranh sự đã diệt rồi mà còn phát khởi lên thì phạm Ba-dật-đề. Phần phát tranh ở dưới đều y cứ theo đây.

Nếu là ngôn tránh phẩm thượng ở tám chỗ trước đều không thể dứt, phải dùng hai diệt mới hết, nghĩa là Tỳ ni đa nhân ngữ và hiện tiền. Hiện tiền tức là thông dụng hiện tiền, nghĩa là lìa nhiều người thì không có thể tánh riêng. Các phần hiện tiền sau đều y cứ theo đây mà giải thích.

Nói nhiều người, nghĩa là tác bạch hai lần sai năm vị có đức hành trù phán định. Hành trù gồm có mười ba pháp là hiển lộ v.v... như trong luật. Vả lại, như ở trong chúng người phi pháp nhiều, nhưng Hòa-Thượng, Thượng tọa trí người kia đều nói đúng như pháp. Nên hiển lộ thực hành hai thứ thẻ: Một là phá, hai là hoàn. Lúc hành thì nói rằng:
- Lập âm thanh là thường là tróc phá xá-la. Lập âm thanh là thường thì tróc hoàn xá-la. Nếu chấp âm thanh là thường mà số thẻ ít thì phán là trái. Nếu thẻ nhiều gửi sự làm loạn thì không được phán định. Nên ở chỗ khác thầm cầu người trí đến này mà hành trù diệt. Thời nay thường thấy

chúng tăng phi pháp, vọng từ nhiều người thì một làm sao lầm. Mười hai pháp còn lại ở đây không thể nói hết. Đây chính là nhiều người nói.

Nói hiện tiền: Trong đây chỉ là tăng vị phán quyết việc tranh luận, đầy đủ có năm hiện tiền. Nghĩa là tăng, giới, pháp, tỳ-ni, người đều là pháp đối mặt phán định.

Hai là giải thích về mích tránh. Nói chung thì dùng bốn diệt. Diệt nghĩa là nếu có người nêu lên là tìm thấy tội của người khác, nhân đây mà hai người phân tranh gọi là mích tránh. Lúc tăng diệt thì xét hỏi tội cứ đã nêu. Người bị nêu gồm có ba loại:

1- Người không làm không phạm, như Đạp-Bà-ma-la là bậc Đại A-la-hán, không hề phạm tội. Vì bị hủy báng cho nên bên ngoài có lời đồn đến tai. Nếu người bị nêu, bảo tăng đã vặn hỏi biết thanh tịnh rồi thì không phạm. Được làm bạch tứ Yết ma, nhớ nghĩ lại biết thanh tịnh để dứt việc tranh chấp gọi là ức niệm Tỳ-ni.

2- Người làm mà không phạm: Như Kiền-độ diệt tránh ghi: Tỳ-kheo Nan-Đề khi lên cơn bệnh si cuồng gây ra nhiều tội, được Phật khai cho. Cho nên gọi là làm mà không phạm. Bị người nêu tội, bảo với tăng, tăng biết là không phạm nên bạch tứ, tăng cùng chứng minh. Hết si cuồng trở về sau không hề phạm, lấy đó mà dứt việc tranh cãi.

3- Người vừa làm vừa phạm. Như người tội bị nêu ra tội, bảo với tăng. Lúc tăng xem xét đầu tiên nói trọng, sau đó lại nói khinh. Hoặc đầu tiên nói phạm, sau đó nói trái. Cho bạch tứ yết ma, đoạt ba mươi lăm việc trị phạt khiến dẫn ra chỗ thật phạm. Lấy đây để dứt sự tránh nên gọi là nơi chốn tội.

Loại người một và hai không bị trị, việc tranh chấp dễ dứt, xếp vào loại tranh cãi hạ phẩm. Loại người thứ ba trị phạt tranh cãi khó dứt, xếp vào loại tranh cãi thượng phẩm. Hiện tiền không lìa ba tỳ-ni này cho nên gọi là bốn diệt diệt.

Ba là nói về phạm tránh. Nói chung là dùng ba diệt mà diệt. Phê bình tội phạm có hai.

1- Người bên cạnh phê bình đuổi bạn thành hai. Lại như một là người tự tay đào đất, hai là bên cạnh bạn phê bình.

- Nói người kia ở chỗ đất, tưởng đào đất nên phạm Ba-dật-đề.
- Nói người kia ở chỗ đất chẳng nghĩ là đất thì phạm Cát-la.

Việc tranh chấp đã ray rà, gọi người phạm đến hỏi, cho tự nói. Người phạm nói: Tôi ở chỗ đất tưởng đào đất. Liền bảo đối diện sám hối Ba-dật-đề. Vì tranh cãi dứt nên gọi là Tự ngôn trị. Tranh cãi các tụ tội khác y cứ theo đây nên biết. Hai người cùng chấp sự lý khác nhau

gọi là phạm tránh. Bất đồng ngôn tránh thì sự một mà lý khác. Cảnh đối sám tùy theo đó mà làm.

Một người cho đến đủ số tăng vị, thì tăng vị là năm hiện tiền, ngoài ra là ba hiện tiền. Hiện tiền không có thể riêng, cũng như trước đã nói.

2- Hoặc người bên cạnh phê bình tuy có tự nói nhưng tranh cãi vẫn không dứt, hoặc chúng cùng phạm, hai người thấy khác. Như ni khen ngợi thọ thực. Một người nói là khen ngợi thọ thực thì phạm Ba-dật-đề, một người nói trao tay thì phải quở trách.

Nếu muốn khinh sám, thì người thấy trọng trái nghịch; nếu muốn trọng sám thì người thấy nhẹ chống lại. Mất thời gian trái nghịch, phải làm pháp phủ cỏ. Đó là không nói tội danh, cùng nhau xin hoan hỉ. Như cỏ phủ bùn đất không làm dơ chân người, nên gọi là cỏ phủ. Đây là dứt tranh cãi mà tội không diệt. Điều nầy nói theo Mẫu luận quyển 8. Nếu theo luận Tát-bà-đa quyển 9 thì tội và tranh cãi đều diệt.

Đối với người bạn thứ nhất, người trí nên sinh khởi đầy đủ nghi cách cùng thưa bẩm, nghĩ như là cỏ phủ. Bạch từng câu như trong luật, đây không nói nhiều.

Trong chúng thứ hai cũng vậy, thưa bẩm rồi thì đơn bạch với tăng, xin sám hối. Đây đã là tăng diệt, thì hạn cuộc trong năm hiện tiền.

Bốn là nói về Sự tránh, là tất cả diệt diệt. Nghĩa là Sự tránh này chỉ là tranh cãi Yết-ma nên đặt tên việc này. Lý thật tức thuộc về ba tránh trước.

Vả lại, như hai người, thấy người khác thọ nhật bẩm nhật hai pháp. Một nói bạch nhị, thọ nhật không thành, phải bạch tứ yết ma. Một nói bạch nhị thọ nhật được thành, trong giáo có văn nói rõ.

Đây tức là sự một, lý khác thuộc về ngôn tránh. Diệt pháp thì y cứ theo văn trước.

Như giữ theo pháp, thật không phạm tội, bị người kia nêu ra nói có tâm ác theo, Tăng biết thanh tịnh liền cho nhớ nghĩ. Nếu vì si mà làm, bị người cử tội bạch tăng thì cho pháp không si. Lại y theo thật phạm, đầu tiên dẫn ra, sau lại trái phá thì đắc tội nơi chốn. Đây đều thuộc mích tránh. Lại như thấy người riêng chúng theo pháp, hai người ở bên phê bình.

Một người nói kia là ác tâm theo pháp nên khiến cho không thành thì phạm Thâu-lan-giá. Một người nói kia là tâm biếng nhác theo thì phạm Cát-la. Đây tức sự lý đều khác thuộc về phạm tránh. Đây đã tùy thích ứng, vì thuộc về ba loại tránh trước (ngôn, mích, phạm) nên dùng

bảy diệt tùy nghi mà diệt, y cứ theo ba tránh trước.

* Kết tội: như văn trước.

Phần hai: Nêu tướng tội danh. Bảy giới đều nói "thuận theo cho" là người có trí quán biết thuận theo cho vậy. Nói nên cho đó chính là đối diện mà phán diệt. Nếu quán thấy thuận theo cho mà không phán diệt thì phạm Cát-la. Cho nên bảy giới này thuộc về thiên thứ năm.

Do lỗi tránh nặng nên khuyên được cho ẩn tội danh. Bảy phần gồm có hai vị: - Vị thứ nhất gồm một loại đầu, hai loại kế và một loại tự ngôn trị, như thứ tự này mà diệt ba thứ: ngôn, mích, phạm tránh thuộc phẩm hạ. Vị thứ hai gồm mích tội, đa mích và như thảo bố địa, theo thứ tự này mà diệt ba thứ: ngôn, mích, phạm tránh thuộc phẩm thượng.

Hỏi: Trong phẩm thượng theo thứ lớp sao lại nói khác trước?

Đáp: Tùy theo lời nói thuận tiện thôi.

Cũng có Luật sư trả lời theo thứ lớp đó là không theo văn luật.

Phần ba: kết rồi thì xét giữ, như trước nên biết.

Từ đây trở xuống là kết chỉ bày hồi hướng. Văn chia ra làm ba.

1) Từ đầu đến "phải nên học" là kết rộng, chỉ bày lược.

2) "Nhẫn nhục là đạo bậc nhất", chỉ bày riêng tóm lược bảy vị Phật.

3) "Nói người có thể hộ giới v.v..." hồi hướng cầu đại đạo.

Chỉ bày riêng bảy vị Phật:

1/ Tỳ-bà-thi:

Văn lược chia ra làm hai. Đầu nêu tóm lược bài kệ, kế nêu lên giáo chủ.

* Tóm lược kệ:

Giải thích tóm lược bài kệ rằng: Người ở thời Phật này, thường chấp khổ hạnh. Nghĩa là chấp khổ hạnh, dứt nghiệp ác nhiều đời, lại không gây tội mới thì không còn quả khổ. Vì muốn đối trị chấp ấy nên đặt ra giới.

Nói "Nhẫn nhục là đạo bậc nhất": - Nghĩa là đối người có oán thì tu từ bi nhẫn nhục giống như khổ hạnh này là đạo bậc nhất. Đạo nầy dẫn chứng lý vô vi, Phật nói là tối thượng. Khéo chế giới như thế được niềm vui vô vi. Không đồng với ngoại đạo xuất gia làm não loạn người khác, mà chế ra tu khổ hạnh không gọi là Sa-môn. Sa-môn nghĩa là vui vắng lặng. Chỗ chế của ngoại đạo kia không có quả an vui vắng lặng cho nên nói như thế.

2/ Phật Thi-khí:

Văn lược làm hai như trước. Y bài kệ là: Người ở thời Phật này,

nhiều tà hạnh, để cầu quả báo cõi trời. Vì để đối trị kia nên chế ra giới. Nói: thí như người mắt sáng... là nói Phật khéo chế ra giới, cho chúng sinh mắt tuệ sáng sạch, thấy rõ việc giết hại các loại dê v.v... cúng tế trời, cầu trời, chiêu lấy nẻo tà hiểm không được sinh lên trời. Vì vậy nói thí như người có mắt sáng tránh được đường hiểm ác. Trên đã đối trị tà cầu cho nên người tu giới định, tuệ lìa được phá giới và phiền não ác. Văn còn lại có thể hiểu.

3/ Phật Tỳ-diệp-la:

Người ở thời Phật này, nhiều trì giới mà không cầu thắng tiến, lại thích đối với người khác nói lỗi, ôm lòng ganh ghét. Vì đối trị kia nên chế giới.

Nói không hủy báng cũng không ganh ghét là lìa hai lỗi miệng, ý. "Nên vâng giữ giới" là để cho giới đầy đủ.

Từ "ăn uống" trở xuống là nói thuận sinh thắng thiện. Văn có năm câu:

1- Ăn uống biết đúng lượng.

2- Thường thích xa lìa.

3- Nhờ đây mà tâm định.

4- Sách tấn tiến tu.

5- Kết thành Phật giáo.

Văn còn lại có thể hiểu.

4/ Phật Câu-lưu-tôn:

Người ở thời Phật này, nhiều tham cầu lợi dưỡng,chống lại lời thầy dạy, bàn ngược lại thầy, ác tâm ngã mạn tu các phẩm thiện. Vì vậy, Phật chế giới.

Nói: Cho đến vào xóm làng: Vào xóm làng, không hủy hoại tâm bố thí, ít trì vị khinh, lại đối với lời dạy của thầy không sinh trái ngược, chỉ thuận theo lời dạy thực hành, không dòm ngó thầy làm hay không làm v.v... Trong giới Đại thừa, gọi là không quan sát chủng tánh của Pháp sư. Văn còn lại có thể hiểu.

5/ Phật Câu Na-Hàm Mâu-ni:

Người ở thời Phật này, nhiều ưa buông lung, chấp theo tà luận. Nếu có người phá thì sinh lo buồn, vì để đối trị kia nên mới chế giới. Nói "tâm chớ buông lung" đó là lìa tà luận. "Thánh pháp nên siêng học" là học chánh luận.

"Như thế thì không lo buồn": Người học chánh luận pháp như vậy, tâm vui mừng cho nên thân an, vì an nên tâm định, vì định nên được Niết-bàn.

6/ Phật Ca-Diếp:

Người ở thời Phật này phần nhiều được định, thường sinh ái vị mà không cầu tịnh thắng. Tức như kinh Duy-ma-cật nói: Tham đắm thiền vị là trói buộc của Bồ-tát. Vì đối trị kia nên Phật chế giới.

Nói "tất cả điều ác chớ làm": Là trị điều ác phá giới.

"Nên vâng làm điều lành": Tu thiện tịnh định chớ tu theo vị định. Chí ý tự chánh, giúp đưa đến quả chứng.

7/ Phật Thích-ca:

Người ở thời Phật này, tánh nhiều phiền não buông lung, không chịu tu niệm. Nếu có tu chút ít điều lành thì sinh vui mừng cho là đủ, lại gây ra nhiều nghiệp ác. Vì để đối trị kia nên chế ra giới.

- Nói "khéo giữ gìn cửa miệng" là khi người hỏi tội chớ dùng lời độc ác đáp lại.

Lại là tự phát ra lời nói xa lìa bốn lỗi.

- Tự tịnh chí ý: Là dứt trừ phiền não, tu không buông lung, thích tu nhiều việc lành.

- Thân chớ làm điều ác: Là lìa lỗi của thân. Vì ý có khả năng phát ra nghiệp cho nên ở giữa, để biểu hiện trước là lời nói, sau là thân nghiệp vậy.

Ba nghiệp đạo này thanh tịnh, đó là nơi thanh tịnh nhất lúc chứng Niết-bàn. Cho nên văn tiếp nói: - Thường được hành như thế là đạo của bậc đại tiên nhân.

* Nêu giáo chủ: Văn chia làm ba. 1) Nêu giáo chủ. 2) Giải thích về thuyết thời 3) Khuyên tu học.

Phần đầu có thể hiểu. Phần hai ý nói mười hai năm đầu lúc Phật còn tại thế, chư tăng vẫn thanh tịnh, chưa hề phạm lỗi. Mỗi nửa tháng Phật tự nói giới này. Từ đó về sau thì y theo luật.

Phật tại nước Chiêm ba, một đêm trăng rằm, bên bờ sông Hằng, vì ở trong tăng có người phạm tội trộm. Phật yên lặng không nói giới, mà giao cho đệ tử nói, nếu Phật nói thì có hai lỗi: 1-Phật không nói dối. 2- Thần Kim cương dùng chày đập sẽ làm tổn hại người phạm. Vì bảo hộ cho họp nên Phật không nói, mà giao cho đệ tử nói rộng về giới. Trong sáu vị Phật trước, vị Phật đầu tiên sáu tháng Bố-tát một lần. Lần lượt như thế các vị Phật còn lại năm, bốn, ba, hai, một tháng. Nay Phật Thích-ca thì nửa tháng thuyết giới một lần.

Phần ba khuyên tu nói các Tỳ-kheo vì mình nghĩa là khuyên tự thương mình. Kinh luận mới gọi là người thiện nam tự ái. Lạc pháp là thích nghe suy nghĩ.

Ưa thích Sa-môn: Thích vắng lặng tức là tu tuệ. Có hổ có then là đối trị lại với phiền não phá giới.

Ưa thích học giới: Còn trong sự học thì lấy giới để làm tông. Cho nên khuyên sau cùng.

Hồi hướng cầu đại đạo: có 14 kệ, chia làm hai:

*Đầu tiên mười hai bài kệ rưỡi: Khen công đức khuyên tụng giới. Chia làm 5:

1/ Hai bài kệ nói rõ giới có công năng nhận lấy nghĩa lợi hiện tại và sau này.

2/ Hai bài rưỡi nêu về uy nghi cung kính

3/ Hai bài rưỡi nói về được đoạn đức.

4/ Hai bài rưỡi nói về Phật ân đức.

5/ Ba bài kệ nói về trí đức.

- Giải thích hai bài kệ đầu: Hiện được lợi ích gọi là nghĩa, sau lợi ích gọi là lợi. Trong bài kệ đầu hiện tại nhận được gọi là lợi, sau đó chiêu cảm sinh lên cõi trời. Ba thứ lạc này đều là người trí nên gọi là người sáng suốt. Đời này muốn sinh lên trời, thì dẫn sinh về cõi trời. Bài kệ sau khuyên quán đời trước lợi ích nhờ giới tịnh này mà dẫn nhập vào Đạo xuất thế bậc nhất tức đạo Niết-bàn.

- Giải thích hai bài kệ rưỡi: Có thể thắng tất cả lo buồn: hai chướng ưu não hợp lại gọi là lo buồn. Có thể thắng nghĩa là đoạn. Vì đoạn cho nên cung kính giới là Phật pháp. Cho nên Phật khuyên đệ tử tự cầu đạo cung kính giới thuận theo giáo.

- Giải thích hai bài kệ rưỡi: nói về đoạn đức. Bảy vị Phật dứt hoặc nên nói bảy giới kinh, để cho các đệ tử tu hành giải thoát. Trong văn lẽ ra nói: "Làm cho các trói buộc được cởi bỏ". Phật đã nói rồi, đã nhập Niết-bàn. Các tướng hí luận hữu lậu đã dứt. Lại các đệ tử như các ngài Xá-lợi-phất v.v... vâng theo lời Phật, khen ngợi giới của các Thánh. Các vị này cũng đã nhập diệt.

-Giải thích hai bài rưỡi kệ: nói về ân đức. Đại bi tức là thể của ân đức. Từ đây lưu xuất ra giới và tỳ-ni. Tỳ-ni tức là Đại tạng. Giới do Phật nói ra, tương ứng thấy giới như Phật.

-Giải thích ba bài kệ sau: Nói về sinh ra trí đức. Lần lượt truyền sinh thánh tuệ nhật chiếu soi xua hết si ám. Cho nên nói Phật pháp hưng thạnh: tức thắng nghĩa chánh pháp hưng thạnh. Nếu mặt trời trí tuệ không có thì si ám liền sinh khởi. Đã sinh trí đức, khuyên nên hòa hợp thuyết giới.

*Sau cùng một bài kệ rưỡi là kết tóm phần thắng đức nói ở

trước.

"Thí cho chúng sinh đồng thành Phật" như văn có thể hiểu.

"Nếu có người vâng giữ giới thanh tịnh, Cũng hồi hướng quả Bồ-đề,
Làm lợi ích cho chúng sinh.
Cũng như xông hương xông khắp cả".

TỨ PHẦN TỲ-KHEO BỔN SỚ. QUYỂN HẠ - (HẾT)

■